



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC

<b>01</b>	<b>PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG</b>	
	Thông tin khái quát	6
	Quá trình hình thành và phát triển	8
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
	Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	11
	Định hướng phát triển	14
	Các yếu tố rủi ro	16
<b>02</b>	<b>PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
	Tổ chức và nhân sự	21
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
	Tình hình tài chính	25
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	27
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	28
<b>03</b>	<b>PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	
	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	32
	Tình hình tài chính	33
	Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	32
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	32
<b>04</b>	<b>PHẦN 4 : ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	36
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	36
	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	37
<b>05</b>	<b>PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
	Hội đồng quản trị	40
	Ban Kiểm soát	44
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	46
<b>06</b>	<b>PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
	Ý kiến kiểm toán	52
	Báo cáo tài chính kiểm toán	54

# CHƯƠNG 1

## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên tiếng Anh</b>	: BRILLIANT CHIP JOINT STOCK COMPANY
<b>Mã cổ phiếu</b>	: CCS
<b>Vốn điều lệ</b>	: 80.290.800.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	: 80.290.800.000 đồng
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN số</b>	: 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/08/2022

<b>Số điện thoại</b>	: (028) 3930 1964
<b>Số fax</b>	: Không có
<b>Website</b>	: <a href="http://www.chipsang.vn">www.chipsang.vn</a>
<b>Trụ sở chính</b>	: Lô T 2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
<b>Văn phòng chi nhánh</b>	: 253 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh



## ▶ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 03/2007, Đăng ký hoạt động Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; Ban quản lý Khu công nghệ cao cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án xây dựng tòa nhà “Không gian Internet Chíp Sáng” (Brilliant Chip Internet Space - BCIS).

Tháng 06/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận Công ty Cổ phần Chíp Sáng là Công ty đại chúng.

Tháng 09/2011, Công ty thành lập Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, chuyên nghiên cứu phát triển các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo đọc hiểu ngôn ngữ tự nhiên và các dịch vụ hỗ trợ quảng cáo trực tuyến.

Tháng 11/2011, Công ty phát triển mạng phân phối hàng công nghệ với thương hiệu Gowell.

Trúng thầu và thực hiện hàng loạt dự án “Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng” cho các công ty, tập đoàn lớn.

Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ 80.290.800.000 đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

2006

2010

2012

2018

2007

2011

2013 – 2016

Đến nay

Ngày 24/05/2006, Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập.

Tháng 10/2010, Công ty thành lập Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng và là chủ đầu tư mới để tiếp tục xây dựng dự án tòa nhà BCIS.

Tháng 08/2012, tòa nhà Sacom - Chíp Sáng chính thức được khai trương và đưa vào hoạt động tại Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2012, liên doanh Chíp Sáng & Ashmanov chính thức khai trương và đưa vào khai thác dịch vụ quảng bá trực tuyến NORON.

Ngày 25/09/2018, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối độc quyền Keo tản nhiệt với Trung tâm R&D Khu công nghệ cao.

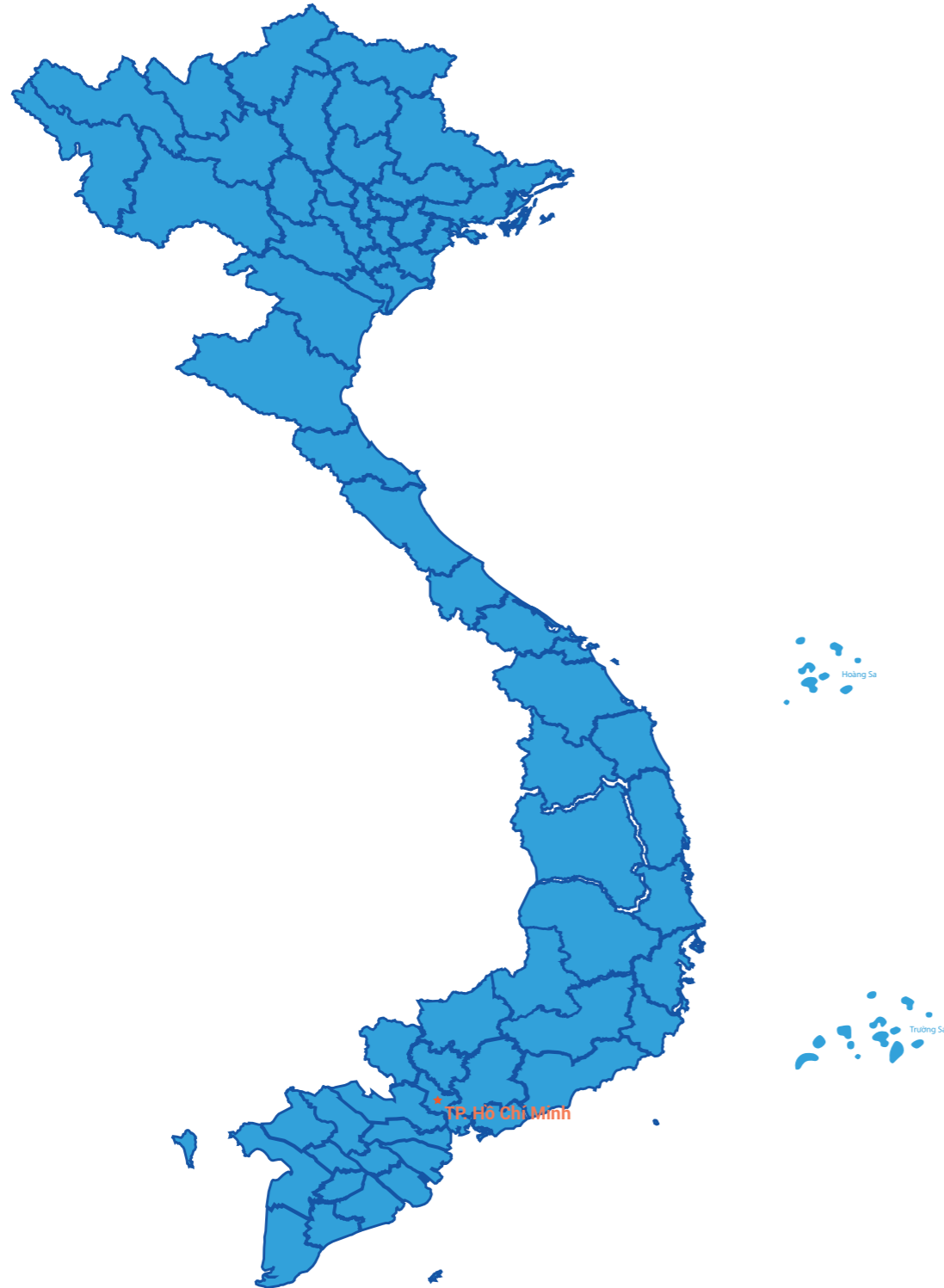
## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Ngành nghề hoạt động hiện nay của Công ty là cho thuê văn phòng.
- Địa điểm cho thuê: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

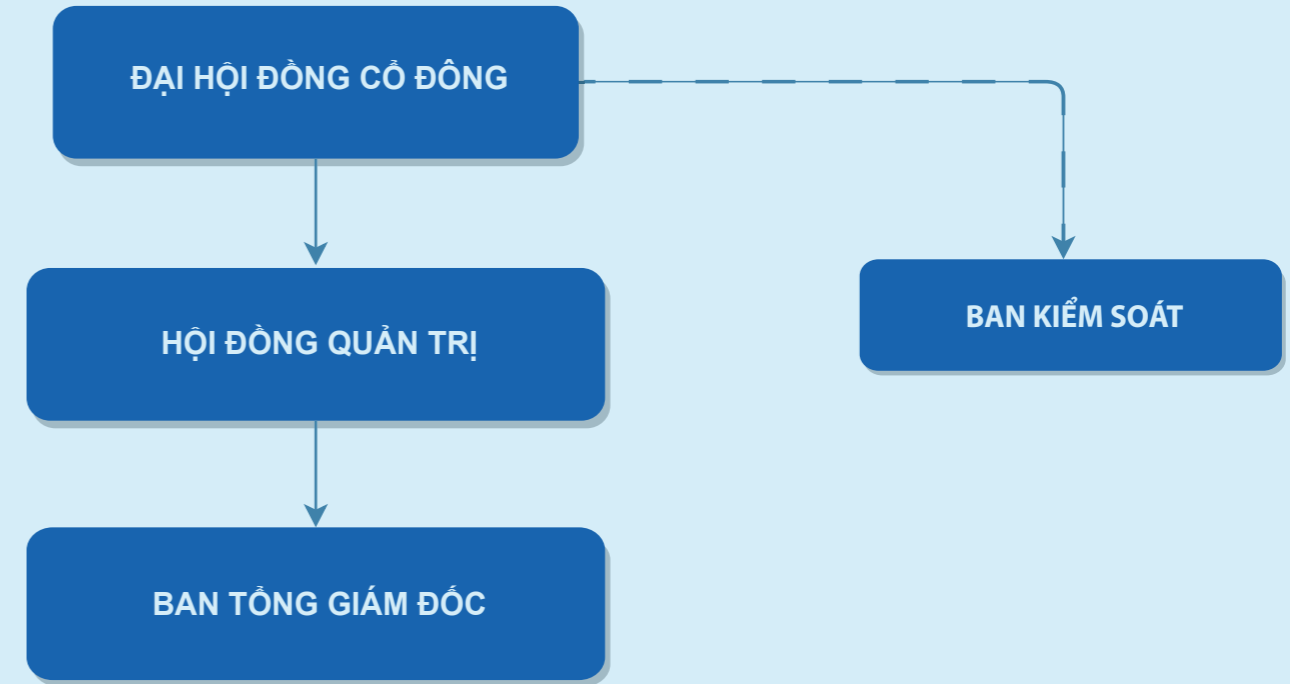
### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chủ yếu tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY QUẢN LÝ

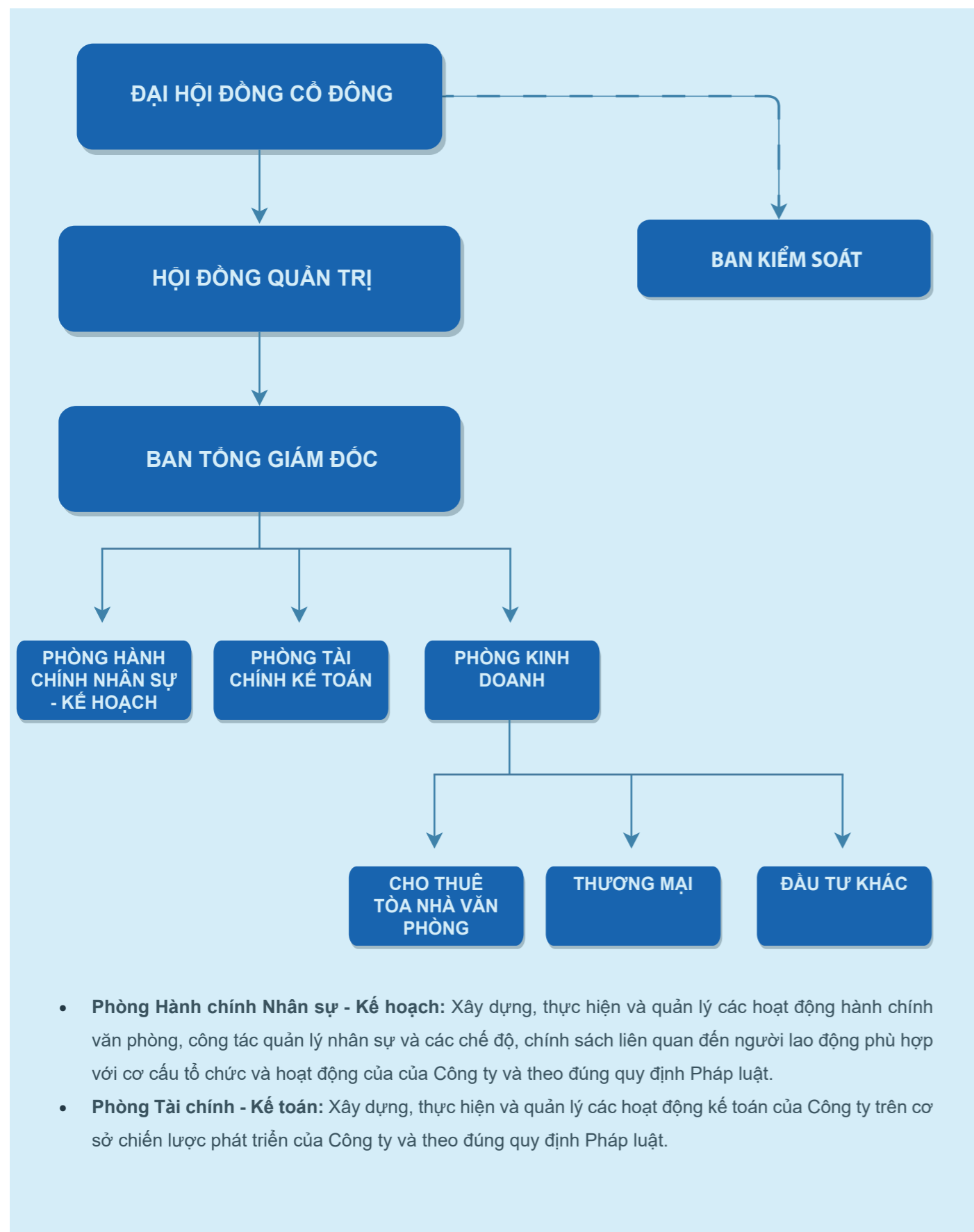
### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Kiểm soát (BKS):** Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.
- **Giám Đốc:** Là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

**BỘ MÁY QUẢN LÝ**

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
<b>CÔNG TY CON</b>				
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (*)	Lầu 6, tòa nhà BCIS, lô T2-4, Khu CNC, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website	77,77%
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>				
1	Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng	26.25%

(\*) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov tạm ngưng hoạt động từ 01/01/2020 đến nay.







## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH TRIẾT LÝ KINH DOANH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### Tầm nhìn

Trở thành công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.

### Sứ mệnh

Chíp Sáng cam kết đem lại thuận lợi và thỏa mãn cao nhất cho khách hàng và đối tác bằng việc cung cấp những sản phẩm công nghệ tiên tiến, hiện đại và các giải pháp tiết kiệm với chi phí linh hoạt. Chúng tôi hướng đến một doanh nghiệp có văn hóa cộng đồng vì sự phát triển của từng nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.



### Triết lý kinh doanh

“Sáng tạo là nền tảng của thành công”

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu đầy thách thức với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty, các tập đoàn, và giữa các quốc gia như hiện nay, thì tư duy sáng tạo không ngừng sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra những giải pháp, sản phẩm, dịch vụ khác biệt, có giá trị hàm lượng chất xám cao. Đây là yếu tố quyết định giúp doanh nghiệp tồn tại, phát triển bền vững và đi tới thành công.



### Giá trị cốt lõi

- Tư duy cởi mở - luôn lắng nghe và chấp nhận sự khác biệt.
- Thái độ tôn trọng - luôn tôn trọng chính mình và người khác.
- Tính cách chuyên cần - tận tâm trong công việc.
- Tác phong chuyên nghiệp - cam kết, kỷ luật, nói là làm.
- Tinh thần cống hiến - sống và làm việc với đam mê.

### ✓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

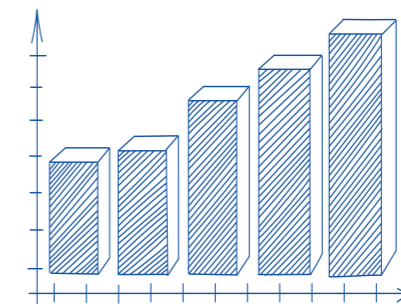
- Trở thành công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- Đảm bảo Công ty có nguồn tài chính dồi dào để tìm kiếm các cơ hội đầu tư tốt cho những năm tiếp theo.
- Phát triển bền vững, mang đến giá trị cho cộng đồng và xã hội, tạo ra giá trị gia tăng cho các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

### ✓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trước tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Công ty, lãnh đạo Công ty đã có chủ trương chiến lược “lấy ngắn nuôi dài”, thay đổi ưu tiên đầu tư sang mảng dịch vụ, thương mại thay vì các dự án hạ tầng hay sản xuất nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

### ✓ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Mục tiêu môi trường: Công ty chủ trương thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng vì mục tiêu bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Công ty luôn hướng đến cộng đồng và xã hội, cố gắng hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội thông qua các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.



### RỦI RO KINH TẾ

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 xuất hiện các tín hiệu phục hồi nhưng xu hướng còn chưa mạnh mẽ. Tính chung trong năm 2023, cả nước có 217,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 4,5% so với năm trước; bình quân một tháng có 18,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 172,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 20,5%; bình quân một tháng có 14,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty là cho thuê văn phòng, do đó những tác động này sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty và các lĩnh vực liên quan. Nhằm hạn chế những tác động của rủi ro kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế và thị trường ngành của công ty để có thể chủ động lên kế hoạch ứng phó, tìm cách giải quyết tháo dỡ khó khăn sớm.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, chịu sự điều chỉnh của nhiều bộ luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Thuế,... Những luật này thường xuyên được cập nhật để phù hợp với bối cảnh và tình hình kinh tế của đất nước, điều này đem đến nhiều cơ hội và thách thức cho các công ty. Bất kỳ hoạt động vi phạm pháp luật nào cũng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hoạt động của công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản bổ sung, sửa đổi pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty. Phối hợp và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật để kiểm soát rủi ro pháp lý.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2023, khi nền kinh tế chưa có sự hồi phục mạnh mẽ trở lại, dẫn đến thị trường bất động sản cho thuê phải đối mặt với “khủng hoảng thừa”, hàng loạt các văn phòng cho thuê bị bỏ trống. Không ngoại lệ, Công ty đang bị cạnh tranh gay gắt về giá thuê, giá cung cấp dịch vụ, chất lượng cũng như không gian và trang thiết bị văn phòng.

Ban lãnh đạo Công ty luôn nhận thức được những thách thức đang phải đối mặt, nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty chủ trương đẩy mạnh các chương trình quảng bá nhằm tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới, điều chỉnh chính sách giảm giá và chiết khấu, phục vụ khách hàng thân thiết ngày càng tốt hơn để giữ chân khách hàng lâu năm, nâng cao vị thế cạnh tranh.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2023, vì mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp và phục hồi nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất và duy trì ở mức thấp. Điều này gây ra tác động đến hoạt động đầu tư tài chính của Công ty. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng theo sát diễn biến thị trường để kịp thời thay đổi, điều chỉnh chính sách hoạt động phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro biến động lãi suất gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động đầu tư tài chính của Công ty.



### RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro nêu trên, Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh,.. Những rủi ro này tuy ít xảy ra nhưng sẽ gây thiệt hại lớn đến tài sản, nhân lực và hoạt động kinh doanh của Công ty khi xảy ra. Vì vậy, Công ty lập ra các quỹ dự phòng cho những trường hợp bất khả kháng này nhằm giảm tổn thất về con người lẫn tài sản Công ty.

# CHƯƠNG 2

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2023 so với năm 2022
Doanh thu thuần	6.757	9.153	35,46%
Lợi nhuận gộp	562	1.827	225,32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.842	10.497	79,68%
Lợi nhuận trước thuế	5.786	9.915	71,35%
Lợi nhuận sau thuế	5.786	9.564	65,28%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2023 tuy có nhiều biến động nhưng cũng xuất hiện các dấu hiệu hồi phục, hoạt động kinh doanh mặt bằng cho thuê của Công ty trở lại ổn định và phục hồi. Theo đó, doanh thu thuần năm 2023 đạt 9.153 triệu đồng, tăng 35,46% so với năm 2022, lợi nhuận gộp đạt 1.827 triệu đồng, tăng hơn 2,25 lần so với năm 2022.

Hơn nữa, hoạt động đầu tư mang lại hiệu quả cao khi hoạt động của Công ty liên kết có kết quả tốt, vì vậy, doanh thu tài chính từ cổ tức Công ty được nhận tăng gấp đôi so với năm 2022. Ngoài ra, Công ty không có các khoản nợ vay và chi phí tài chính được kiểm soát hiệu quả giúp Công ty thu được lợi nhuận từ tài chính cao. Theo đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2023 lần lượt đạt 9.915 triệu đồng và 9.564 tỷ đồng, tăng 71,35% và 65,28% so với năm 2022.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	KH năm 2023	TH năm 2023	Thực hiện năm 2023 so với kế hoạch năm 2023
Doanh thu thuần	8.500	9.153	107,69%
Lợi nhuận trước thuế	7.000	9.915	141,64%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng

Hoạt động kinh doanh phục hồi đem lại kết quả tốt, hoạt động đầu tư tài chính được Ban lãnh đạo kiểm soát hiệu quả đã giúp Công ty vượt các mục tiêu kinh doanh do ĐHCĐ đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 107,69% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 141,64 % so với kế hoạch đề ra.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2023

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc	33.600	0,42%
Vũ Việt Hương	Kế toán trưởng	0	0%

### LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

# 01

Ông Đặng Duy Hợp  
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

<b>Ngày sinh</b>	: 25/02/1965
<b>Nơi sinh</b>	: Mỹ Tho – Tiền Giang
<b>CMND/CCCD số</b>	: 079065023251
<b>Quốc tịch</b>	: Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	: Thạc sĩ Luật –Thương mại Quốc tế, Sorbonne, Pháp
<b>Chức vụ tại các tổ chức khác</b>	: Không có

# 02

Bà Vũ Việt Hương  
Kế toán trưởng

<b>Ngày sinh</b>	: 08/06/1973
<b>Nơi sinh</b>	: Hà Nội
<b>CMND/CCCD số</b>	: 001173034167
<b>Quốc tịch</b>	: Việt Nam
<b>Trình độ chuyên môn</b>	: Đại học
<b>Chức vụ tại các tổ chức khác</b>	: Phó giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch Vụ Thuế Tâm An Phó giám đốc Công ty Cổ phần Mạng Xã Hội Webketoan

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2023:** Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2023 (người)	Tỷ lệ năm 2023
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>5</b>	<b>80%</b>
1	Trên đại học	1	20%
2	Đại học	3	60%
3	Cao đẳng	0	0%
4	Trung cấp	1	20%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>5</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	3	60%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	2	40%

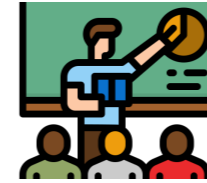
THU NHẬP BÌNH QUÂN

(Tính đến ngày 31/12/2022)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	3	3	4	5
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.450.000	11.291.667	13.244.864	13.746.245

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách đào tạo



Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ nhằm nâng cao kiến thức và nghiệp vụ cho CBNV. Ngoài ra, Công ty còn có chương trình đào tạo phát triển nhân tài, nhằm phát hiện và bồi dưỡng những nhân viên có tiềm năng, tạo điều kiện cho họ phát huy năng lực và phát triển sự nghiệp lâu dài, bền vững tại Công ty.

Chính sách tuyển dụng



Công ty thực hiện công tác tuyển dụng theo chiến lược phát triển của Công ty, nhằm tìm kiếm và lựa chọn những ứng viên tốt nhất phù hợp với nhu cầu nhân lực của Công ty. Công ty cam kết tuyển dụng công bằng và khách quan, không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc.

Môi trường công việc



Công ty tạo môi trường làm việc thoải mái, vui vẻ, cạnh tranh lành mạnh, giúp CBNV phát huy tối đa năng lực của mình. Các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh nhật, cộng đồng được tổ chức thường xuyên nhằm gắn kết các thành viên, tạo động lực cho mọi người cùng nỗ lực phấn đấu. Mỗi CBNV tại Công ty đều ý thức và tự nguyện thực hiện đúng theo tôn chỉ, mục tiêu của Cẩm nang văn hóa doanh nghiệp, góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ



Công ty luôn nỗ lực xây dựng chính sách lương, thưởng cạnh tranh, phù hợp với năng lực của nhân viên. Công ty cũng chú trọng chăm lo đời sống người lao động, tạo môi trường làm việc thuận lợi, giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình. Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về đãi ngộ người lao động, đảm bảo quyền lợi của người lao động.

## ➤ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty tiếp tục duy trì đầu tư tại công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
<b>CÔNG TY CON</b>				
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (*)	Lầu 6, tòa nhà BCIS, lô T2-4, Khu CNC, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website	77,77%
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>				
1	Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Lô T2-4 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng	26.25%

(\*) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov tạm ngưng hoạt động từ 01/01/2020 đến nay.



## ➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
Tổng giá trị tài sản	68.203	79.079	15,95%
Doanh thu thuần	6.757	9.153	35,46%
Lợi nhuận gộp	562	1.827	225,32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.842	10.497	79,68%
Lợi nhuận trước thuế	5.786	9.915	71,35%
Lợi nhuận sau thuế	5.786	9.564	65,28%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	840	1.407	67,50%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,45	11,74
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,44	11,74
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	4,50%	5,54%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,71%	5,86%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	530,08	3367,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,10	0,12
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	85,63%	104,48%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,30%	13,68%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,22%	3,25%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	86,45%	114,68%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh duy trì ở mức cao nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản cho Công ty. Các hệ số có sự gia tăng mạnh so với năm 2022 là do trong năm Công ty gia tăng mạnh tài sản ngắn hạn, đồng thời nợ ngắn hạn luôn duy trì với cơ cấu thấp trong tổng nguồn vốn.

#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn với tỷ trọng nợ thấp giúp giảm thiểu rủi ro tài chính cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2023 lần lượt là 5,54% và 5,86%. Tổng nợ phải trả chủ yếu là các khoản phải trả, không có khoản nợ vay, do đó chi phí tài chính của Công ty thấp, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cao.



#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản của Công ty ở mức thấp do hoạt động đầu tư tài chính được tập trung và mang lại nguồn thu nhập cao cho Công ty. Hơn nữa, do đặc thù hoạt động kinh doanh nên giá trị hàng tồn kho rất nhỏ, dẫn tới vòng quay hàng tồn kho ở mức cao bất thường.

#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hoạt động đầu tư tài chính mang lại hiệu quả tốt nên các hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ HĐKD/doanh thu thuần đều ở mức cao, lần lượt đạt 104,48% và 114,68% trong năm 2023. Theo đó, hệ số ROE năm 2023 đạt 13,68%, đảm bảo khả năng sinh lời cho các cổ đông.

### CỔ PHẦN

<b>Tổng số cổ phần</b>	: 8.029.080 cổ phiếu
<b>- Số cổ phiếu đang lưu hành</b>	: 6.915.019 cổ phiếu
<b>- Số cổ phiếu quỹ</b>	: 1.114.061 cổ phiếu
<b>Loại cổ phần</b>	: cổ phần phổ thông
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 đồng/cổ phiếu

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>471</b>	<b>6.801.019</b>	<b>84,70%</b>
1	Cá nhân	466	5.419.975	67,50%
2	Tổ chức	5	1.381.044	17,20%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>8</b>	<b>114.000</b>	<b>1,42%</b>
1	Cá nhân	8	114.000	1,42%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>1.114.061</b>	<b>13,88%</b>
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>480</b>	<b>8.029.080</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: theo công văn số 3922/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%.

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng/ giảm	Hình thức tăng/ giảm vốn	Căn cứ pháp lý
16/05/2007	32.000.000.000	+50.290.800.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 16/05/2007

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2023: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



### TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tất cả các hoạt động kinh doanh đều có tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty luôn nhận thức một cách chính xác và đầy đủ trách nhiệm của mình đối với vấn đề môi trường. Công ty cam kết tuân thủ tất cả các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, cũng như các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm. Ban lãnh đạo của Công ty cũng đã thực hiện nhiều hoạt động trong năm, bao gồm việc khuyến khích chương trình trồng cây xanh để làm cho môi trường xung quanh Công ty trở nên xanh đẹp hơn. Hơn nữa, Công ty cũng đã đóng góp vào quỹ môi trường của Nhà nước, hướng tới mục tiêu chung của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng đóng một vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tiến bộ kinh tế - xã hội của một quốc gia. Do đó, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã đặc biệt chú trọng vào việc cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng trong chính sách phát triển bền vững, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng, cũng như trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Công ty luôn đặc biệt chú trọng vào việc thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng. Tất cả các văn phòng của Công ty đều tuân thủ và thường xuyên tuyên truyền về tình hình sử dụng năng lượng. Công ty sử dụng các bóng đèn LED có công suất nhỏ, tiết kiệm điện hơn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng ánh sáng. Ngoài ra, chúng tôi cũng tháo dỡ các bóng đèn cao áp và ánh sáng không cần thiết, nhưng vẫn đảm bảo đủ ánh sáng cho công việc hàng ngày.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo của Công ty luôn nhận thức rõ ràng rằng người lao động là yếu tố cốt lõi đối với sự phát triển bền vững. Do đó, Công ty liên tục áp dụng các biện pháp cải thiện cả về công việc và thu nhập của nhân viên, thực hiện điều chỉnh các chính sách thưởng, khuyến khích lao động chăm chỉ, và dần dần điều chỉnh giờ làm việc và các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên bằng cách tổ chức các hội thảo, tặng quà vào các dịp đặc biệt và ngày lễ, đảm bảo rằng môi trường làm việc luôn tích cực và động viên cho nhân viên.



### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Thành công của một doanh nghiệp không chỉ phản ánh qua kết quả kinh doanh mà còn dựa vào sự cam kết và thực hiện trách nhiệm xã hội. Chỉ có những giá trị mang lại ý nghĩa đối với con người và cộng đồng mới thực sự bền vững, vì cuối cùng lợi ích của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào lợi ích của xã hội. Công ty luôn đảm bảo có trách nhiệm tham gia cùng cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, Công ty tuân thủ hoàn toàn các chính sách an sinh xã hội, với mong muốn đóng góp vào sự phát triển chung của toàn xã hội.





# CHƯƠNG 3

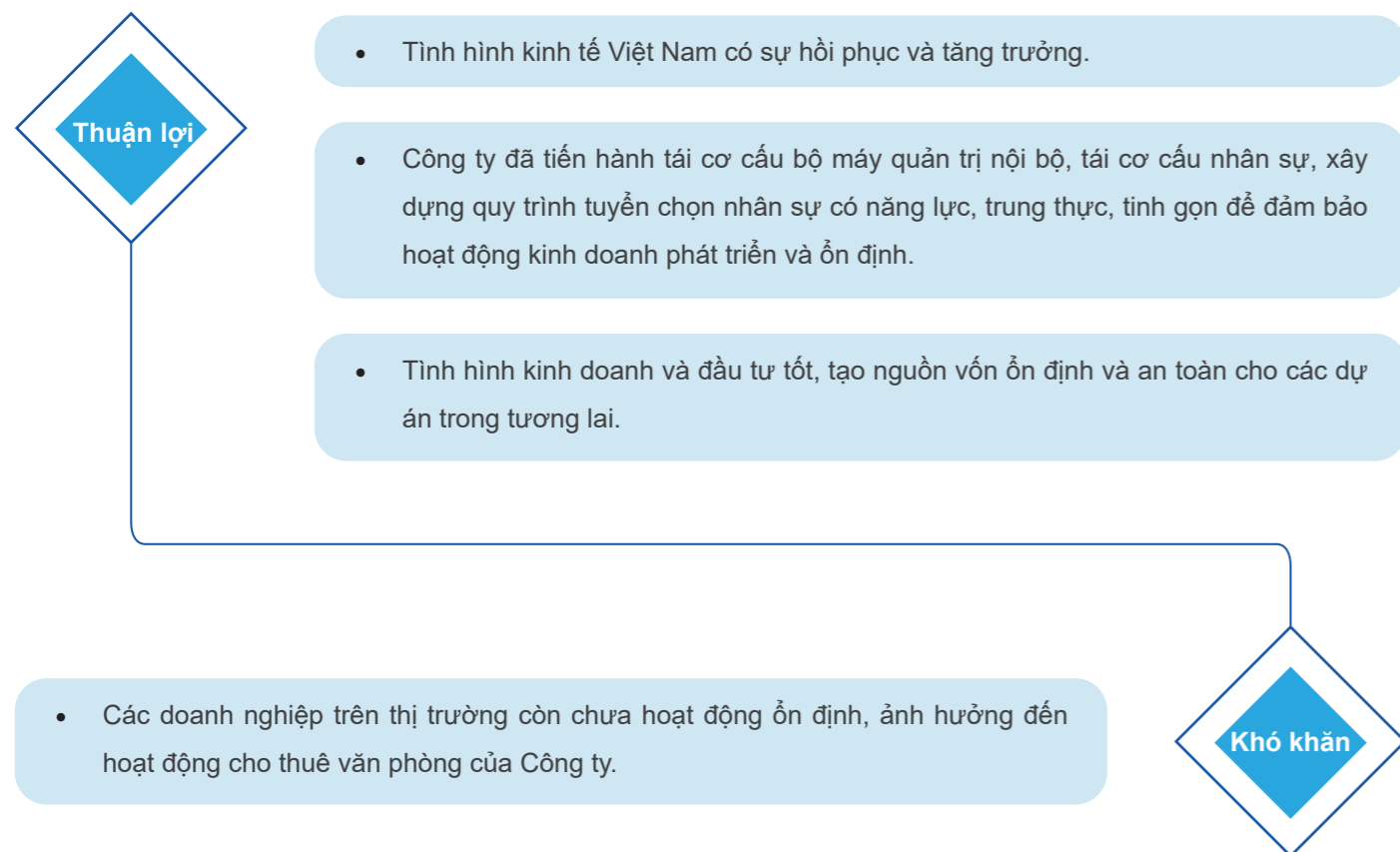
## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



## CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ✓ Kiện toàn bộ máy quản lý với những nhân sự tài năng và đầy nhiệt huyết để đáp ứng định hướng phát triển của Công ty trong tương lai; cắt giảm chi phí đồng thời cải thiện hiệu suất và chất lượng công việc chung của toàn Công ty;
- ✓ Phương hướng hoạt động và phát triển của Công ty luôn đảm bảo phù hợp với chính sách và định hướng của Nhà nước, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu thuần	9.153	9.800
2	Lợi nhuận trước thuế	9.915	8.100

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

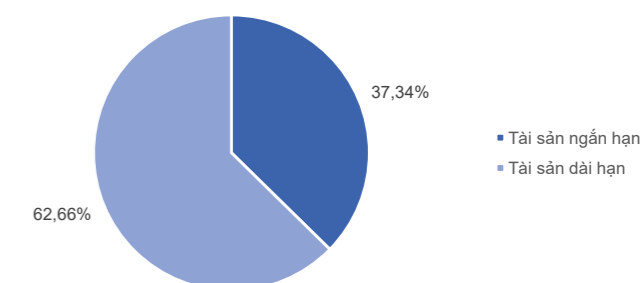
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	12.370	18,14%	29.530	37,34%	138,73%
Tài sản dài hạn	55.833	81,86%	49.549	62,66%	-11,26%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>68.203</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.079</b>	<b>100,00%</b>	<b>15,95%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng

Tính đến thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản của Công ty tăng 15,95%, đạt 79.079 triệu đồng. Sự gia tăng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn do trong năm Công ty gia tăng nắm giữ tiền và tăng các khoản tiền gửi ngắn hạn, giúp đảm bảo khả năng thanh khoản và chuẩn bị nguồn tiền cho các hoạt động trong tương lai. Hơn nữa, các khoản phải thu ngắn hạn khác cũng tăng so với năm 2022, do phát sinh các khoản phải thu lợi nhuận được chia và tăng phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay.

Cơ cấu tài sản 2023



### TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

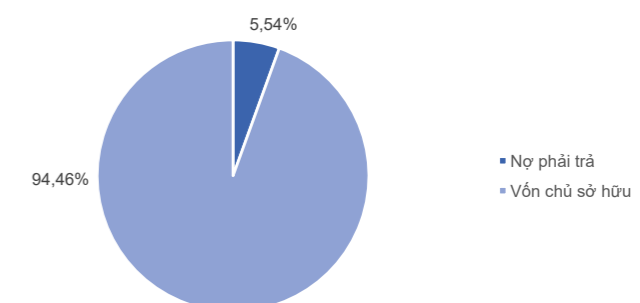
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	% Tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>3.068</b>	<b>4,50%</b>	<b>4.380</b>	<b>5,54%</b>	<b>42,79%</b>
- Nợ ngắn hạn	1.919	62,55%	2.515	57%	31,06%
- Nợ dài hạn	1.149	37,45%	1.865	74%	62,39%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>65.135</b>	<b>95,50%</b>	<b>74.699</b>	<b>94,46%</b>	<b>14,68%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>68.203</b>	<b>100%</b>	<b>79.079</b>	<b>100%</b>	<b>15,95%</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp sáng

Cơ cấu vốn với nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng tương đối cao, với 94,46% tại cuối năm 2023, giảm rủi ro tài chính và kiểm soát tốt chi phí lãi vay. Theo đó, vốn chủ sở hữu đạt 74.699 triệu đồng, nợ phải trả đạt 4.380 triệu đồng tại ngày 31/12/2023. Nợ phải trả là các khoản phải trả và các khoản khác, không có khoản nợ vay, mang lại lợi nhuận tài chính cao cho Công ty.

Cơ cấu nguồn vốn 2023



# CHƯƠNG 4

## PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2023 là một năm đầy biến động, tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn và đạt được những kết quả tích cực. Tình hình tài chính đang dần ổn định hơn, các hoạt động kinh doanh được duy trì hiệu quả. Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Bên cạnh việc duy trì hoạt động hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty cũng đang tập trung nghiên cứu và tìm kiếm hướng đi mới nhằm đưa Công ty phát triển bền vững trong tương lai. Các định hướng chiến lược đang được xây dựng với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và gia tăng giá trị cho cổ đông.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HĐQT được Giám đốc cập nhật thường xuyên về tình hình tài chính, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Việc báo cáo thường xuyên này giúp HĐQT có cơ sở đưa ra ý kiến chỉ đạo, giám sát chặt chẽ Ban điều hành về hiệu quả hoạt động. Nhờ đó, công ty có thể thực hiện tốt định hướng cắt giảm chi phí không hiệu quả, tăng trưởng lợi nhuận, góp phần giảm lỗ lũy kế.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình ĐHQĐ thông qua. HĐQT sẽ phối hợp cùng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- ✓ Cân đối sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- ✓ Tăng cường kiểm soát chi phí, sử dụng vốn một cách hợp lý và tiết kiệm.
- ✓ Chú trọng chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo các chế độ về tiền lương, thưởng, bảo hiểm để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài và cống hiến cùng sự phát triển của Công ty.





# CHƯƠNG 5

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

**THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT**

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	47.811	0,60%
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	68.000	0,85% (vợ - 0,51%)
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT – Kiểm Giám đốc	33.600	0,42%
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	21.563	0,27%
Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	0	0%

Thông tin của Ông Đặng Duy Hợp xem tại mục Lý lịch BDH

**01** Ông Phạm Ngọc Tuấn  
Chủ tịch HĐQT

**Ngày sinh** : 13/11/1952  
**Nơi sinh** : TP. Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai  
**CMND/CCCD số** : 075052002909  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Tiến sỹ Quản trị kinh doanh  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Chủ tịch HĐQT Công ty trách nhiệm hữu hạn Sacom – Chíp Sáng  
 Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sacom-Chíp Sáng

**02** Ông Nguyễn Mạnh Hùng  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh** : 03/06/1943  
**Nơi sinh** : TP. Biên Hòa – Đồng Nai  
**CMND/CCCD số** : 075043003927  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Tiến Sĩ Sử Học  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu Việt Nam Học

**03** Ông Phạm Trung Kiên  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh** : 27/09/1975  
**Nơi sinh** : TP. HCM  
**CMND/CCCD số** : 079075036253  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Thạc sỹ Quản lý Dự Án  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Phó Tổng Giám đốc Liên Hiệp HTX TM TP.HCM (SGC)  
 Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Saigon Co.op (SCID)

**04** Ông Vũ Thái Hà  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh** : 05/03/1981  
**Nơi sinh** : Hà Nội  
**CMND/CCCD số** : 001081043007  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Tài chính – Ngân hàng  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Phó Giám đốc vận hành kiêm nhiệm Giám đốc tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.M Quỳnh Lâm

**CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:** Không có



**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm**

Năm 2023, HĐQT đã thực hiện việc tiết kiệm chi phí, xử lý linh hoạt việc khai thác và quản lý vận hành cho thuê các tòa nhà, quản lý nguồn tiền an toàn và hiệu quả. Trong quá trình hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty đều được HĐQT triển khai một cách minh bạch, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, HĐQT không gây ra các phát sinh rủi ro hay vi phạm nào ảnh hưởng tới hoạt động liên tục của Công ty CP Chíp Sáng.

**Số lượng các cuộc họp HĐQT**

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT – kiêm Giám đốc	5/5	100%	
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	5/5	100%	

**Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp**

HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	24/02/2023	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả kinh doanh hợp nhất dự kiến năm 2022 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 6.757.204.589 VNĐ;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 5.040.295.598 VNĐ.</li> </ul> </li> <li>Thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH Chíp Sáng - Ashmanov (CSA), giải quyết trong năm 2023.</li> <li>Thông nhất kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến ngày tổ chức Đại hội: lúc 09h00 thứ Bảy, ngày 17/06/2023;</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội: 17/05/2023;</li> <li>- Ngày công bố thông tin: 28/04/2023.</li> </ul> </li> </ol>

**Nêu nội dung và kết quả của các cuộc họp**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
2	02/2023/NQ-HĐQT	30/03/2023	<p>Thông nhất tái bổ nhiệm ông Đặng Duy Hợp là Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng. Thời gian bổ nhiệm 03 năm, từ ngày 01/03/2023 đến hết ngày 28/02/2026.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 6.757.204.589 VNĐ;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 5.786.294.161 VNĐ;</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế: 5.786.294.161 VNĐ.</li> </ul> </li> <li>Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 8,5 tỷ;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 7 tỷ.</li> </ul> </li> <li>Thông qua đề xuất trình ĐHCĐ trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt của lợi nhuận sau thuế năm 2023.</li> <li>Thông qua đề xuất trình ĐHCĐ trích:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 là 3% trên lợi nhuận sau thuế;</li> <li>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 tối đa 3% trên lợi nhuận sau thuế.</li> </ul> </li> <li>Thông qua quỹ thù lao HĐQT, BKS và thư ký là 200.000.000 VNĐ cho năm 2022.</li> </ol>
3	03/2023/NQ-HĐQT	11/04/2023	<p>Thông nhất ủy quyền cho ông Đặng Duy Hợp - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trực tiếp đàm phán với Công ty Cổ phần Sam Holding về phụ lục số 03/2023/PLHĐ/SAM-CS theo nội dung biên bản họp số 05/2023/BBH-HĐQT ngày 30/08/2023.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả kinh doanh dự kiến năm 2023 của CTCP Chíp Sáng với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 9,165 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 13,646 tỷ đồng;</li> </ul> </li> <li>Thông qua kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2023 của SCS:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 75,651 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 46,093 tỷ đồng.</li> </ul> </li> <li>Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 của SCS:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 75,0 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 38,0 tỷ đồng.</li> </ul> </li> <li>Thông nhất mời các cổ đông lớn, cổ đông tiềm năng, nhà đầu tư để lấy ý kiến về định hướng chiến lược đầu tư cho những năm tiếp theo.                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian họp: Dự kiến thứ Bảy ngày 24/02/2024.</li> </ul> </li> <li>Thông nhất thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024, dự kiến vào tháng 6 năm 2024, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.</li> </ol>
4	04/2023/NQ-HĐQT	30/08/2023	<p>Thông nhất ủy quyền cho ông Đặng Duy Hợp - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trực tiếp đàm phán với Công ty Cổ phần Sam Holding về phụ lục số 03/2023/PLHĐ/SAM-CS theo nội dung biên bản họp số 05/2023/BBH-HĐQT ngày 30/08/2023.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả kinh doanh dự kiến năm 2023 của CTCP Chíp Sáng với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 9,165 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 13,646 tỷ đồng;</li> </ul> </li> <li>Thông qua kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2023 của SCS:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 75,651 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 46,093 tỷ đồng.</li> </ul> </li> <li>Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 của SCS:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 75,0 tỷ đồng;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 38,0 tỷ đồng.</li> </ul> </li> <li>Thông nhất mời các cổ đông lớn, cổ đông tiềm năng, nhà đầu tư để lấy ý kiến về định hướng chiến lược đầu tư cho những năm tiếp theo.                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian họp: Dự kiến thứ Bảy ngày 24/02/2024.</li> </ul> </li> <li>Thông nhất thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024, dự kiến vào tháng 6 năm 2024, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.</li> </ol>
5	05/2023/NQ-HĐQT	19/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua kết quả kinh doanh hợp nhất dự kiến năm 2022 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 6.757.204.589 VNĐ;</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 5.040.295.598 VNĐ.</li> </ul> </li> <li>Thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH Chíp Sáng - Ashmanov (CSA), giải quyết trong năm 2023.</li> <li>Thông nhất kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến ngày tổ chức Đại hội: lúc 09h00 thứ Bảy, ngày 17/06/2023;</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội: 17/05/2023;</li> <li>- Ngày công bố thông tin: 28/04/2023.</li> </ul> </li> </ol>

**HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP:** Không có



**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	8.000	0.10%
Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	4.000	0.05%
Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	8.800	0.11%

**01**

Bà Lê Thị Anh Đào  
Trưởng BKS

**Ngày sinh** : 04/04/1977  
**Nơi sinh** : Nam Định  
**CMND/CCCD số** : 036177016234  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Thạc sĩ MBA chuyên ngành Tài Chính  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Trưởng Phòng Tài Chính Công ty Cổ phần Sun – O Organic

**02**

Ông Ngô Quốc Hùng  
Thành viên BKS

**Ngày sinh** : 12/06/1969  
**Nơi sinh** : Hà Nội  
**CMND/CCCD số** : 001069036816  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Không có

**03**

Ông Tuấn Lộc Louis  
Thành viên BKS

**Ngày sinh** : 14/09/1983  
**Nơi sinh** : TP.HCM  
**CMND/CCCD số** : 079083010693  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
**Chức vụ tại các tổ chức khác** : Chuyên viên môi giới chứng khoán

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

- ✓ Giám sát việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT năm 2023.
- ✓ Giám sát các hoạt động bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- ✓ Đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác quản trị, điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, nguồn nhân lực,...
- ✓ Kiểm tra định kỳ và bất thường tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong hoạt động quản lý và điều hành của Ban Giám đốc Công ty.
- ✓ Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty hoặc từng vấn đề cụ thể khác khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.
- ✓ Giám sát Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- ✓ Trong năm 2023, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu hay khiếu nại nào của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty yêu cầu xem xét về hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc về việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

**Số lượng các cuộc họp BKS**

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	3/3	100%	
Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	3/3	100%	
Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	3/3	100%	



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.746.000
2	Đặng Duy Hợp	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	379.419.209
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	25.397.000
4	Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	13.698.000
5	Vũ Thái Hà	Thành viên HĐQT	30.397.000
6	Lê Thị Anh Đào	Trưởng BKS	14.768.000
7	Ngô Quốc Hùng	Thành viên BKS	13.698.000
8	Tấn Lộc Louis	Thành viên BKS	15.698.000

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:** Không có

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Chíp Sáng luôn cố gắng tuân thủ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật chứng khoán 54/2019/QH14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Đối với hoạt động công bố thông tin, Công ty đã xây dựng Quy chế công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

### Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ có kế hoạch tăng cường công tác quản trị Công ty trong thời gian tới như sau:

- ✓ HĐQT tiếp tục duy trì và phát huy quy chế phân cấp theo hướng tạo sự chủ động và tự chịu trách nhiệm của Ban điều hành và khoán quỹ lương theo doanh thu để thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả công tác. Công ty ban hành và thường xuyên hiệu chỉnh quy chế, bình xét để trả lương theo hiệu quả công tác.
- ✓ HĐQT tiếp tục chú trọng chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, phối hợp xử lý các vấn đề còn tồn đọng.
- ✓ Thực hiện rà soát, điều chỉnh lại mô hình tổ chức, cơ chế quản lý các đơn vị trực thuộc, tổ chức nhân sự trong toàn Công ty.
- ✓ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động. Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

Ban điều hành Công ty định kỳ đều có kế hoạch rõ ràng cho các cuộc họp, thường xuyên quan tâm giám sát và giải quyết kịp thời những vấn đề tồn đọng trong công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Công ty quản lý tài chính của Công ty.



# CHƯƠNG 6

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- . Ý kiến kiểm toán
- . Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tuấn Lộc Louis	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đặng Duy Hợp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 23 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

### Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Đào Trung Thành  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 4700-2024-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>29.530.396.830</b>	<b>12.369.837.459</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.406.530.426</b>	<b>444.353.786</b>
111	1. Tiền		697.544.261	292.975.796
112	2. Các khoản tương đương tiền		708.986.165	151.377.990
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>22.309.547.081</b>	<b>11.109.662.834</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.309.547.081	11.109.662.834
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.614.825.116</b>	<b>534.466.694</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.714.418.990	2.719.465.724
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		39.043.891	61.025.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.536.379.999	2.428.993.644
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.435.017.764)	(6.435.017.764)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>1.995.341</b>	<b>2.355.341</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.089.420.324	1.108.192.287
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.087.424.983)	(1.105.836.946)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>197.498.866</b>	<b>278.998.804</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	56.566.846	30.694.485
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		140.932.020	166.997.225
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	81.307.094
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>49.548.598.393</b>	<b>55.832.821.164</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>922.187.970</b>	<b>922.187.970</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	922.187.970	922.187.970
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>-</b>	<b>742.491.640</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		188.882.984	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(709.460.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	742.491.640
228	- Nguyên giá		57.600.000	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(927.375.811)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>48.356.604.002</b>	<b>53.917.377.863</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		55.103.604.002	57.864.377.863
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.005.000.000	6.805.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>269.806.421</b>	<b>250.763.691</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	269.806.421	250.763.691
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>79.078.995.223</b>	<b>68.202.658.623</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.380.366.784</b>	<b>3.067.672.087</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.515.121.126</b>	<b>1.919.044.497</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	462.651.507	511.470.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		63.126.808	66.485.102
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	655.457.757	368.613.498
314	4. Phải trả người lao động		99.422.246	265.336.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	279.512.893	109.644.222
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	275.533.869	22.870.968
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	653.920.006	547.127.834
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.496.040	27.496.040
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.865.245.658</b>	<b>1.148.627.590</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.865.245.658	1.148.627.590
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>74.698.628.439</b>	<b>65.134.986.536</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>74.698.628.439</b>	<b>65.134.986.536</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.361.316.735	(4.367.472.543)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.367.472.543)	(10.172.710.608)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.728.789.278	5.805.238.065
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(625.712.399)	(460.565.024)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>79.078.995.223</b>	<b>68.202.658.623</b>

Vũ Việt Hương  
Người lập

Vũ Việt Hương  
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9.153.259.422	6.757.204.589
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.153.259.422	6.757.204.589
11	4. Giá vốn hàng bán	21	7.325.785.231	6.195.464.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.827.474.191	561.740.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	13.575.111.096	6.107.697.847
22	7. Chi phí tài chính		253	154
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.760.773.861)	851.302.535
25	9. Chi phí bán hàng	23	64.221.316	13.073.650
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.081.066.011	1.665.869.728
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.496.523.846	5.841.797.191
31	12. Thu nhập khác	25	196.326.732	29.378.613
32	13. Chi phí khác	26	778.148.248	84.881.643
40	14. Lợi nhuận khác		(581.821.516)	(55.503.030)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.914.702.330	5.786.294.161
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	351.060.427	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.563.641.903	5.786.294.161
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		9.728.789.278	5.805.238.065
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(165.147.375)	(18.943.904)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.407	840

Vũ Việt Hương  
Người lập

Vũ Việt Hương  
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.914.702.330	5.786.294.161
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	84.856.176
03	- Các khoản dự phòng		(18.411.963)	(71.545.395)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(189.940)	(204.214)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.071.651.040)	(6.958.796.168)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(175.550.613)	(1.159.395.440)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.347.311)	(8.184.665)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.771.963	90.210.376
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.040.941.364	250.245.798
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(44.915.091)	154.022.842
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		817.900.312	(673.101.089)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.339.542.797)	(18.347.230.186)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.939.658.550	11.005.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.543.970.635	5.799.903.473
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		144.086.388	(1.542.326.713)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		961.986.700	(2.215.427.802)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		444.353.786	2.659.577.374
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		189.940	204.214
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.406.530.426	444.353.786

Vũ Việt Hương  
Người lập

Vũ Việt Hương  
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Năm 2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 05 người (tại ngày 31/12/2022 là: 04 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

#### Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang tạm ngừng kinh doanh.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

##### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp



Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.5 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 - 20	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	19.205.617	19.002.799
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	678.338.644	273.972.997
Các khoản tương đương tiền (*)	708.986.165	151.377.990
	<b>1.406.530.426</b>	<b>444.353.786</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 708.986.165 VND được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS với lãi suất 5,3%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>22.309.547.081</b>	-	<b>11.109.662.834</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	21.209.547.081	-	11.109.662.834	-
- Trái phiếu (3)	1.100.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>4.005.000.000</b>	-	<b>6.805.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	4.005.000.000	-	5.705.000.000	-
- Trái phiếu (3)	-	-	1.100.000.000	-
	<b>26.314.547.081</b>	-	<b>17.914.662.834</b>	-

(1) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị là 21.209.547.081 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 4.005.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất từ 8,2%/ năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 014809/PKDSGH2023001/3M ngày 31/08/2023 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn;
- Số lượng: 11.000 Trái Phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/Trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 25/12/2024;
- Lãi suất : 10,1%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2023				01/01/2023			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Công ty TNHH Sacom- Chip Sàng	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	44.351.604.002	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	47.112.377.863
				<u>44.351.604.002</u>				<u>47.112.377.863</u>
				31/12/2023				01/01/2023
				Giá gốc				Dự phòng
				VND				VND
				10.752.000.000				(10.752.000.000)
				<u>10.752.000.000</u>				<u>(10.752.000.000)</u>

Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam (\*)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 32 .

(\*) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang tạm ngưng kinh doanh chỉ duy trì hoạt động của bộ phận quản lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.315.128.251</b>	<b>(2.315.128.251)</b>	<b>2.315.128.251</b>	<b>(2.315.128.251)</b>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
<b>Bên khác</b>	<b>694.071.832</b>	<b>(320.553.848)</b>	<b>404.337.473</b>	<b>(339.073.848)</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Phải thu khách hàng khác	313.207.668	(234.470.777)	318.254.402	(252.990.777)
	<u>2.714.418.990</u>	<u>(2.635.682.099)</u>	<u>2.719.465.724</u>	<u>(2.654.202.099)</u>



6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.760.000.000</b>	<b>(1.760.000.000)</b>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lợi nhuận được chia	4.200.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	1.173.794.604	-	342.848.698	-
Phải thu người lao động	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Tạm ứng	51.600.000	(500.000)	12.000.000	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	18.210.000	-	2.910.000	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu khác	960.775.730	(888.316.000)	939.235.281	(888.316.000)
	<b>7.536.379.999</b>	<b>(2.020.815.665)</b>	<b>2.428.993.644</b>	<b>(2.020.815.665)</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	4.200.000.000	-	-	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	(261.207.191)	260.565.691	(260.565.691)
Các đối tượng khác	1.615.637.990	(300.073.656)	708.893.135	(300.715.156)
	<b>7.536.379.999</b>	<b>(2.020.815.665)</b>	<b>2.428.993.644</b>	<b>(2.020.815.665)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	<b>922.187.970</b>	<b>-</b>	<b>922.187.970</b>	<b>-</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	917.687.970	-
	<b>922.187.970</b>	<b>-</b>	<b>922.187.970</b>	<b>-</b>

**PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.204.500.000	-	4.500.000	-
	<b>5.066.400.000</b>	<b>(861.900.000)</b>	<b>866.400.000</b>	<b>(861.900.000)</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>2.635.682.099</b>	-	<b>2.654.202.099</b>	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	-	2.315.128.251	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	-	44.083.051	-
- Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	-	42.000.020	-
- Các đối tượng khác	234.470.777	-	252.990.777	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>18.520.000</b>	-	-	-
- Trung tâm Nghiên cứu Triển khai Khu Công nghệ cao	18.520.000	-	-	-
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>1.760.000.000</b>	-	<b>1.760.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.020.815.665</b>	-	<b>2.020.815.665</b>	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	-	861.900.000	-
- Tiền thuế nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
- Hứa Công Nghiệp	318.061.485	-	318.061.485	-
- Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	-	260.565.691	-
- Vũ Khải Hưng	138.000.000	-	138.000.000	-
- Các đối tượng khác	162.073.656	-	162.715.156	-
	<b>6.435.017.764</b>	-	<b>6.435.017.764</b>	-

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	1.995.341	-
Hàng hoá	1.067.338.752	(1.067.338.752)	1.086.110.715	(1.085.750.715)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	(20.086.231)
	<b>1.089.420.324</b>	<b>(1.087.424.983)</b>	<b>1.108.192.287</b>	<b>(1.105.836.946)</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 188.882.984 VND.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2023 là 57.600.000 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.568.032	-
Phí hoa hồng môi giới	21.991.058	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.007.756	30.694.485
	<b>56.566.846</b>	<b>30.694.485</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn	165.160.461	235.794.816
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	93.278.960	14.968.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.367.000	-
	<b>269.806.421</b>	<b>250.763.691</b>



13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) <i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa Sơn	-	-	24.300.000	24.300.000
Phải trả các đối tượng khác	36.934.100	36.934.100	61.453.196	61.453.196
	<u>462.651.507</u>	<u>462.651.507</u>	<u>511.470.603</u>	<u>511.470.603</u>
b) <i>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>	<u>425.717.407</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	129.342.413	-	106.765.019	-	22.577.394	-	-	-	22.577.394
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	351.060.427	-	-	-	273.753.333	-	-	-	273.753.333
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	18.235.692	20.157.434	-	29.643.902	-	8.749.224	-	-	-	8.749.224
Các loại thuế khác	4.000.000	-	350.377.806	4.000.000	-	-	-	350.377.806	-	-	-	350.377.806
	<u>81.307.094</u>	<u>81.307.094</u>	<u>368.613.498</u>	<u>504.560.274</u>	<u>136.408.921</u>	<u>136.408.921</u>	<u>655.457.757</u>	<u>655.457.757</u>	<u>655.457.757</u>	<u>655.457.757</u>	<u>655.457.757</u>	<u>655.457.757</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	74.013.893	49.298.058
Trích trước chi phí thù lao của HDQT, BKS và Thư ký	145.499.000	-
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.346.164
	<u>279.512.893</u>	<u>109.644.222</u>



16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	275.533.869	22.870.968
	<b>275.533.869</b>	<b>22.870.968</b>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	19.989.000	19.989.000
- Bảo hiểm xã hội	4.595.442	4.595.842
- Bảo hiểm y tế	6.361.065	6.361.065
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.068.874	4.068.874
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258.829.000	173.497.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.261.525	55.800.353
	<b>653.920.006</b>	<b>547.127.834</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21.461.172	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn M&L	90.000.000	90.000.000
- Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	62.829.000	62.829.000
- Công ty TNHH Tấn Hội	48.000.000	48.000.000
- Các đối tượng khác	431.629.834	346.298.834
	<b>653.920.006</b>	<b>547.127.834</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.865.245.658	1.148.627.590
	<b>1.865.245.658</b>	<b>1.148.627.590</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Chi nhánh Công ty TNHH Hanatour Việt Nam - Trung tâm Korea Visa Application tại TP. Hồ Chí Minh	1.081.321.098	619.787.520
- Công ty TNHH Ning Sing Logistics	519.860.000	-
- Các đối tượng khác	264.064.560	528.840.070
	<b>1.865.245.658</b>	<b>1.148.627.590</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	<b>282.815.100</b>	<b>282.815.100</b>

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	80.290.800.000	374.000.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	11.984.480	(10.172.710.608)	(441.621.120)	5.805.238.065	(18.943.904)	59.348.692.375	5.786.294.161	65.134.986.536
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	80.290.800.000	374.000.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	11.984.480	(4.367.472.543)	(460.565.024)	5.805.238.065	(18.943.904)	65.134.986.536	5.786.294.161	65.134.986.536
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	80.290.800.000	374.000.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	11.984.480	(4.367.472.543)	(460.565.024)	9.728.789.278	(165.147.375)	65.134.986.536	9.563.641.903	74.698.628.439
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	80.290.800.000	374.000.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	11.984.480	5.361.316.735	(625.712.399)	9.728.789.278	(165.147.375)	74.698.628.439	9.563.641.903	74.698.628.439

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)		
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000	12,31		
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000	73,82		
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000	13,87		
	<b>80.290.800.000</b>	<b>100</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>100</b>		

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>282.815.100</b>	<b>282.815.100</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<b>438.834.103</b>	<b>438.834.103</b>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà tại số 253 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.623.891.289	5.533.371.030
- Trên 1 năm đến 5 năm	8.625.164.016	-
	<b>18.249.055.305</b>	<b>5.533.371.030</b>

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.926.260.180	5.756.406.360
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.535.612.691	11.512.812.720
	<b>11.461.872.871</b>	<b>17.269.219.080</b>

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)	260,19	275,04

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.135.363.799	6.667.410.145
Doanh thu bán hàng hóa	17.895.623	89.794.444
	<b>9.153.259.422</b>	<b>6.757.204.589</b>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.324.142.049	6.173.147.183
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.055.145	93.862.460
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.411.963)	(71.545.395)
	<b>7.325.785.231</b>	<b>6.195.464.248</b>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.841.166.541	988.743.633
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.733.750.000	5.118.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.615	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	189.940	204.214
	<b>13.575.111.096</b>	<b>6.107.697.847</b>
<b>Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan</b>	<b>11.754.024.246</b>	<b>5.118.750.000</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)		



**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.403.750
Chi phí nhân công	-	4.255.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.121.316	1.414.900
Chi phí khác bằng tiền	100.000	-
	<b>64.221.316</b>	<b>13.073.650</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.459.529	19.556.544
Chi phí nhân công	1.231.432.544	880.219.868
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.669.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.173.938	760.378.415
Chi phí khác bằng tiền	-	1.045.502
	<b>2.081.066.011</b>	<b>1.665.869.728</b>
<b>Trong đó: Chi phí Quản lý DN mua của các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	<b>18.908.400</b>	<b>17.850.000</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	-	15.656.250
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	25.451.292	727.273
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	168.565.455	-
Thu nhập khác	2.309.985	12.995.090
	<b>196.326.732</b>	<b>29.378.613</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	742.491.640	-
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	-	84.856.176
Các khoản bị phạt	2.512.069	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	13.920.454	-
Chi phí khác	19.224.085	25.467
	<b>778.148.248</b>	<b>84.881.643</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	351.060.427	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ các công ty con	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>351.060.427</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>273.753.333</b>	<b>(77.307.094)</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.728.789.278	5.805.238.065
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.728.789.278	5.805.238.065
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.407</b>	<b>840</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.844.732	31.598.746
Chi phí nhân công	1.255.826.987	884.474.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.162.061.250	1.553.410.180
Chi phí khác bằng tiền	20.915.110	5.382.650.247
	<b>9.468.648.079</b>	<b>7.852.134.041</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: rủi ro về giá và lãi suất.



Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	-	-	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	-	<b>1.100.000.000</b>	-	<b>1.100.000.000</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.387.324.809	-	-	1.387.324.809
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.594.301.225	922.187.970	-	6.516.489.195
Các khoản cho vay	24.069.547.081	4.005.000.000	-	28.074.547.081
	<b>31.051.173.115</b>	<b>4.927.187.970</b>	-	<b>35.978.361.085</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	425.350.987	-	-	425.350.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.441.604	922.187.970	-	1.395.629.574
Các khoản cho vay	12.869.662.834	6.805.000.000	-	19.674.662.834
	<b>13.768.455.425</b>	<b>7.727.187.970</b>	-	<b>21.495.643.395</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.116.571.513	1.865.245.658	-	2.981.817.171
Chi phí phải trả	279.512.893	-	-	279.512.893
	<b>1.396.084.406</b>	<b>1.865.245.658</b>	-	<b>3.261.330.064</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.058.598.437	1.148.627.590	-	2.207.226.027
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	<b>1.168.242.659</b>	<b>1.148.627.590</b>	-	<b>2.316.870.249</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18.908.400</b>	<b>17.850.000</b>
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	18.908.400	17.850.000
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>11.754.024.246</b>	<b>5.118.750.000</b>
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	11.754.024.246	5.118.750.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>	<b>529.821.209</b>	<b>388.647.168</b>
Ông Phạm Ngọc Tuấn      Chủ tịch HĐQT	36.746.000	15.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng      Ủy viên HĐQT	25.397.000	13.000.000
Ông Phạm Trung Kiên      Ủy viên HĐQT	13.698.000	4.000.000
Ông Vũ Thái Hà      Ủy viên HĐQT	30.397.000	15.000.000
Ông Đặng Duy Hợp      Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	379.419.209	316.647.168
Bà Lê Thị Anh Đào      Trưởng ban kiểm soát	14.768.000	8.000.000
Ông Ngô Quốc Hùng      Thành viên BKS	13.698.000	7.000.000
Ông Tấn Lộc Louis      Thành viên BKS	15.698.000	10.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
_____ <b>Vũ Việt Hương</b> Người lập	_____ <b>Vũ Việt Hương</b> Kế toán trưởng	_____ <b>Đặng Duy Hợp</b> Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2024  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG DUY HỢP**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

---

---

chípsáng



**Địa chỉ:** Lô T 2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



**Số điện thoại:** (028) 3930 1964



**Website:** [www.chipsang.vn](http://www.chipsang.vn)